

Số: /BC-TTKQH

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật Công nghiệp công nghệ số

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội,

Theo Chương trình Kỳ họp thứ 8, sáng ngày 23/11/2024 và sáng ngày 30/11/2024, các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH) đã thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật Công nghiệp công nghệ số (CNCNS), đã có 67 lượt ý kiến ĐBQH phát biểu (trong đó có 54 lượt ý kiến phát biểu tại Tổ, 13 lượt ý kiến ĐBQH phát biểu tại Hội trường). Sau đây là tổng hợp ý kiến của các vị ĐBQH thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật CNCNS, cụ thể như sau:

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự cần thiết ban hành Luật

- Nhiều ý kiến nhất trí sự cần thiết ban hành Luật (37 ý kiến); có ý kiến nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật CNCNS nhưng còn băn khoăn về thời điểm ban hành luật (01 ý kiến).

- Có ý kiến băn khoăn về sự cần thiết ban hành Luật và đề nghị nghiên cứu xem xét công nghiệp công nghệ số có phải là một ngành kinh tế riêng hay không? có phù hợp với cách phân chia các ngành khoa học công nghệ và thông lệ quốc tế hay chưa vì hiện nay chưa có quốc gia nào ban hành luật về lĩnh vực này (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng dự án Luật này quan trọng, kỳ vọng tạo khung pháp lý cho chuyển đổi số ở Việt Nam (01 ý kiến).

2. Về hồ sơ dự án Luật

- Một số ý kiến cho rằng hồ sơ dự án Luật cơ bản phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo điều kiện trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến (03 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung dự thảo Nghị định kèm theo Hồ sơ dự thảo Luật vì dự thảo Luật có nhiều nội dung về chính sách hỗ trợ để phát triển công nghiệp công nghệ số cần phải hướng dẫn chi tiết (01 ý kiến).

3. Về sự phù hợp của nội dung dự án Luật với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Một số ý kiến cho rằng, dự thảo Luật đã thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước để phát triển CNCNS, khắc phục những tồn tại, hạn chế về công nghiệp công nghệ thông tin và cơ chế, chính sách vượt trội, đột phá, huy động mọi nguồn lực để phát triển hiệu quả tiềm năng của ngành CNCNS trở thành ngành công nghiệp nền tảng để góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số cũng

như phát triển kinh tế số, xã hội số tại Việt Nam (06 ý kiến).

4. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật và tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

- Một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để bảo đảm tính thống nhất với các Luật có liên quan như: Luật Công nghệ thông tin (CNTT), Luật Công nghệ cao, Luật Giao dịch điện tử, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Quy hoạch, ... (06 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị xác định rõ mối quan hệ giữa dự án Luật Công nghiệp công nghệ số với Luật CNTT để nghiên cứu và chỉnh lý theo hướng thay thế toàn bộ Luật CNTT hoặc sau khi luật này có hiệu lực tiếp tục rà soát lại các quy định có hiệu lực còn lại của Luật CNTT để sớm xây dựng dự án luật sửa đổi, thay thế toàn bộ Luật CNTT (02 ý kiến).

5. Về tính khả thi của dự thảo Luật

- Có ý kiến đề nghị cần có báo cáo đánh giá thực tế đối với tính khả thi, tác động của dự án Luật đến các luật liên quan của dự thảo Luật, đồng thời xác định rõ điểm nghẽn trong phát triển CNTT, công nghệ số để đề xuất chính sách mới thực sự mang tính đột phá (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị chỉnh lý dự thảo Luật, thể hiện rõ tính quy phạm, tránh quy định chính sách chung chung (như tại các Điều: 18, 19, 22, 36) (01 ý kiến).

II. NHỮNG NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về phạm vi điều chỉnh và tên gọi của dự thảo Luật

1.1. Về phạm vi điều chỉnh

- Một số ý kiến cho rằng do phạm vi điều chỉnh của dự án Luật có sự giao thoa với Luật CNTT, Luật Công nghệ cao, Luật Giao dịch điện tử, Luật Đầu tư và dự thảo Luật Dữ liệu¹ nên Chính phủ cần phải tiếp tục rà soát thêm để xác định rõ hơn phạm vi điều chỉnh (07 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị thu hẹp phạm vi điều chỉnh của dự án Luật (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề xuất tập trung vào điều chỉnh công nghệ số, công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ chuỗi khối, dữ liệu lớn..., loại bỏ hoặc giảm thiểu điều chỉnh những nội dung công nghệ thông tin truyền thống. Không thay thế hoặc lặp lại các quy định đã rõ trong các luật hiện hành (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc về việc không điều chỉnh đối với lĩnh vực "...quốc phòng, an ninh, hoạt động cơ yếu..."; bổ sung thêm lĩnh vực "đôi ngoại"; nghiên cứu, chỉnh lý, thể hiện lại quy định tại khoản 2 Điều 1 sao cho không loại trừ các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, hoạt động cơ yếu, đôi ngoại (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị Luật này tập trung điều chỉnh về công nghiệp công nghệ số bao gồm phát triển ngành CNCNS, doanh nghiệp công nghệ số, cơ chế thử

¹ Được Chính phủ trình và thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV.

nghiệm có kiểm soát, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng, phạm vi điều chỉnh chưa bao quát hết nội hàm của dự án Luật, chưa giải thích một số từ ngữ liên quan đến phạm vi điều chỉnh như: hoạt động CNCNS bao gồm những hoạt động nào? Đề nghị chỉnh lý lại khoản 1 như sau: *Luật này quy định về công nghiệp công nghệ số bao gồm phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số (01 ý kiến).*

- Có ý kiến cho rằng, trong các nội dung cụ thể của dự thảo Luật, có rất nhiều nội dung vượt ra ngoài phạm vi khái niệm về công nghiệp, như: dịch vụ CNCNS, nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, nhân lực công nghệ số, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu cách sử dụng từ ngữ trong các Chương, Mục, Điều của dự thảo Luật để các nội dung thể hiện vẫn gắn và phù hợp với nội hàm công nghiệp như tên của dự thảo Luật (01 ý kiến).

1.2 Về đối tượng áp dụng

Có ý kiến đề nghị bổ sung định nghĩa đối tượng áp dụng để bao quát các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào CNCNS tại Việt Nam, nhằm đảm bảo tính toàn diện, như: Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến CNCNS tại Việt Nam (01 ý kiến).

1.3 Về tên gọi của dự án Luật

- Một số ý kiến thống nhất với tên gọi của dự án Luật (05 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị đổi tên thành Luật Công nghệ số (02 ý kiến); Luật Chuyển đổi số hoặc Luật Công nghệ số (01 ý kiến).

2. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

- Nhiều ý kiến đề nghị nghiên cứu xác định rõ nội hàm của các thuật ngữ tại quy định về giải thích từ ngữ và các khái niệm khác được đề cập trong dự thảo Luật (17 ý kiến).

- Một số ý kiến đề nghị làm rõ hơn nội hàm về công nghệ số (03 ý kiến); quy định khái niệm này theo hướng xác định bản chất thay vì liệt kê các công nghệ trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, bán dẫn... (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề xuất sửa đổi khái niệm trí tuệ nhân tạo như sau: “trí tuệ nhân tạo là công nghệ số thế hệ mới, mô phỏng trí thông minh của con người nhằm mục đích đưa ra nội dung dự báo đề xuất” (lưu ý nhấn mạnh yếu tố thế hệ mới) (01 ý kiến). Có ý kiến cho rằng việc xác định “trí tuệ nhân tạo là công nghệ số mô phỏng trí thông minh của con người...” là chưa toàn diện vì với trình độ phát triển của công nghệ hiện nay, máy tính cũng có thể tự học hỏi, phát triển về trí tuệ, nhận thức và cảm giác hiểu cảm xúc của con người để ra quyết định. Vì vậy, cần nghiên cứu định nghĩa lại khái niệm này (01 ý kiến).

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung, giải thích khái niệm cho các thuật ngữ: “dữ liệu lớn”; “các công nghệ số khác”; “hoạt động công nghiệp công nghệ số”; “hội tụ công nghệ số”; “sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu”; “sản phẩm,

dịch vụ công nghệ số trọng điểm”; “dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số”; “công nghệ chuỗi khối”; “công nghệ số cái phân tán”; “phi cá nhân hóa dữ liệu”... (04 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng khoản 10 quy định “Trí tuệ nhân tạo là công nghệ số...”, trong khi tại khoản 1 quy định “...các công nghệ số thế hệ mới như trí tuệ nhân tạo...”. Do đó, để đảm bảo thống nhất, đề nghị chỉnh lý lại như sau: “Trí tuệ nhân tạo là công nghệ số thế hệ mới, mô phỏng trí thông minh của con người nhằm mục đích đưa ra nội dung, dự báo, đề xuất, quyết định dựa trên tập hợp các mục tiêu do con người xác định” (01 ý kiến).

- Một số ý kiến đề nghị rà soát các điều, khoản trong dự thảo Luật có rất nhiều điều, khoản có nội dung là khái niệm hoặc là giải thích từ ngữ nhưng lại được đưa vào ở trong các điều, khoản ở trong dự án Luật. Do đó, đối với những điều, khoản mà có tính chất nội dung là khái niệm và giải thích từ ngữ thì đưa về Điều 3 (như: Điều 9 về hoạt động cung cấp dịch vụ số; khoản 1 Điều 13 về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu; Điều 14 về tài sản số; khoản 1, Điều 25 về phát triển nguồn nhân lực công nghệ số) (03 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng để đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật cần soát nội hàm các khái niệm có tính kế thừa trong Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị làm rõ sự khác biệt và nội hàm của khái niệm công nghệ số, CNCNS quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật và khái niệm công nghiệp công nghệ cao quy định tại Điều 3 Luật Công nghệ cao (01 ý kiến).

3. Về áp dụng Luật Công nghiệp Công nghệ số (Điều 4)

- Một số ý kiến đề nghị cân nhắc quy định về áp dụng Luật CNCNS để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tính thống nhất với các luật có liên quan (05 ý kiến);

- Khoản 2: Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định khoản 2 (01 ý kiến); có ý kiến đề nghị diễn đạt rõ ràng hơn khoản 2; bỏ khoản 2 (01 ý kiến).

- Có ý kiến tán thành với quy định như dự thảo Luật (01 ý kiến); Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm cơ chế xử lý xung đột giữa các văn bản pháp luật trong trường hợp không có quy định cụ thể tại các Luật, Nghị quyết sau này; bổ sung điều khoản khuyến khích sự hài hòa pháp luật trong các lĩnh vực liên quan để tránh tạo ra rào cản pháp lý cho doanh nghiệp công nghệ số (01 ý kiến).

4. Về chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số (Điều 5)

- Một số ý kiến cho rằng quy định về chính sách phát triển CNCNS còn khái quát, thiếu các nội dung cụ thể, đột phá và chưa phân định rõ ràng đối tượng áp dụng. Điều này khiến cho việc triển khai vào thực tiễn gặp nhiều khó khăn, đồng thời chưa thể hiện được sự khác biệt đáng kể so với lĩnh vực công nghệ thông tin (06 ý kiến); đề nghị rà soát lại những luật có liên quan về thuế, đất đai, vốn, tài chính, về hỗ trợ đào tạo,... và các phí khác để sửa đổi hoặc giao Chính phủ ban hành văn bản quy định chi tiết để có những chính sách cụ thể thúc đẩy việc phát triển công nghệ số của đất nước (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị các chính sách phát triển cần phải bảo đảm tính thống nhất với các quy định dự kiến thay đổi để thống nhất với Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi), cần chú ý đến tính rủi ro và độ trễ trong nghiên cứu khoa học (01 ý kiến); đề nghị bổ sung các chính sách phát triển bền vững hướng đến kinh tế xanh, kinh tế số hay kinh tế tuần hoàn để thúc đẩy, tăng tốc ngành công nghệ số (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định các chính sách hỗ trợ phải mang tính toàn diện và có trọng tâm không chỉ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua rào cản mà còn tạo môi trường thuận lợi để CNCNS trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung chi tiết hơn về các cơ chế hỗ trợ tài chính và đầu tư, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực tại khoản 6, bao gồm: chính sách miễn giảm thuế, hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển, tài trợ từ ngân sách nhà nước trong giai đoạn đầu hoạt động; cùng với đó cần quy định ưu đãi doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam khi mở rộng ra thị trường quốc tế. Chính sách này sẽ giúp giảm gánh nặng tài chính và thúc đẩy đổi mới sáng tạo ra hệ sinh thái công nghệ bền vững (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung chính sách về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong công nghệ số, hoặc bổ sung mục riêng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong công nghệ số; chính sách về thương hiệu quốc gia về công nghệ số; các chính sách về công nghệ, đào tạo nhân lực, hợp tác quốc tế (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cần nhắc xây dựng chính sách bình dân học vụ số, trong đó có CNCNS cho toàn dân; xây dựng chính sách vùng là những trung tâm đổi mới sáng tạo và khoa học công nghệ cao; chính sách thu hồi, xử lý những sản phẩm, công nghệ số sau khi hết thời hạn sử dụng để bảo vệ môi trường (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào khoản 7: khuyến khích phát triển CNCNS theo hướng hiện đại, đổi mới, sáng tạo, bền vững và theo một mô hình kinh tế tuần hoàn, nhằm để giảm tiêu hao năng lượng, giảm phát thải, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, nhằm đáp ứng yêu cầu và phù hợp với thực tiễn (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định rõ vai trò của khu vực tư nhân, các tổ chức quốc tế và doanh nghiệp FDI trong việc đầu tư và chuyển giao công nghệ số (01 ý kiến);

- Có ý kiến đề nghị bổ sung yêu cầu minh bạch và cơ chế quản lý rủi ro trong thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số để đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến thị trường hoặc người tiêu dùng, nên nhấn mạnh yêu cầu phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong quy hoạch đảm bảo không chồng chéo hoặc thiếu đồng bộ trong phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số. Khuyến khích đầu tư xanh, đề nghị bổ sung yêu cầu các hạ tầng công nghệ số cần hướng đến tiêu chuẩn xanh và tiết kiệm năng lượng, chẳng hạn quy định một điều là ưu tiên đầu tư vào hạ tầng công nghệ số theo tiêu chuẩn xanh, bền vững và tiết kiệm năng lượng (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng khái niệm hạ tầng CNCNS và hạ tầng công nghệ số trong dự thảo Luật chưa rõ ràng, nhất quán. Đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất (01 ý kiến).

5. Về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động CNCNS (Điều 7)

- Khoản 1: Có ý kiến đề nghị bỏ từ “cơ quan”, nên sử dụng thống nhất là “tổ chức, cá nhân” trong toàn bộ dự thảo Luật; đồng thời, đề nghị bổ sung quy định cấm xâm phạm đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của con người (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng quy định về các hành vi bị cấm tại Điều 7 còn chung chung, thiếu tính khả thi (02 ý kiến). Đề nghị xác định rõ hành vi cấm trong Luật này, đối tượng và phạm vi áp dụng (đối với tổ chức như thế nào, đối với cá nhân như thế nào, trong nước ra sao, ngoài nước thế nào); cần có quy định riêng với hành vi về sản xuất các công nghệ số, hành vi về quản lý nhà nước về công nghệ số và hành vi sử dụng và khai thác công nghệ số (01 ý kiến).

- Khoản 2: Đề nghị bổ sung nội dung cấm “kinh doanh sản phẩm công nghệ số trái pháp luật” (01 ý kiến); Cần nhắc quy định tại khoản 2, vì đã trái pháp luật thì đương nhiên là bị cấm (01 ý kiến).

- Khoản 4: Đề nghị nghiên cứu bổ sung hành vi bị nghiêm cấm đặc thù về sở hữu trí tuệ trong phát triển và cung cấp sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo theo hướng cần quy định cấm việc sử dụng các sản phẩm đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mà không xin phép hoặc là cấm sử dụng những hình ảnh, những nhận dạng sinh trắc; cấm các hành vi vi phạm quyền sở hữu và vi phạm quyền chuyển nhượng; nghiêm cấm phát triển trí tuệ nhân tạo chống lại con người (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị thay thế cụm từ “an ninh quốc gia” bằng cụm từ “quốc phòng, an ninh” (01 ý kiến).

6. Về phát triển ngành CNCNS (Chương II)

6.1. Về hoạt động sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số; sản phẩm, dịch vụ CNS (Mục 1 và Mục 2)

- Có ý kiến đề nghị quy định và phân biệt rõ sản phẩm công nghệ số thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này và sản phẩm công nghệ cao khác thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin theo Luật Công nghệ cao (02 ý kiến). Quy định rõ nội hàm của dịch vụ thu thập, lưu trữ kinh doanh, triển khai, phân tích, xử lý các hoạt động liên quan đến dữ liệu số. Trong trường hợp cung cấp dịch vụ liên quan đến các ứng dụng công nghệ trong xử lý dữ liệu thì phải tuân thủ quy định của Luật Dữ liệu để tránh mâu thuẫn, chồng chéo (01 ý kiến).

- Điểm c khoản 1 Điều 12: Có ý kiến đề nghị sửa đổi thành: “Có tác động tích cực về đổi mới công nghệ và hiệu quả kinh tế, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực và quản lý xã hội”. Cần bổ sung thêm nội dung quản lý xã hội vì sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm không chỉ có tác động tích cực về đổi mới công nghệ và hiệu quả kinh tế, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực mà còn có tác động về quản lý xã hội (01 ý kiến).

- Khoản 3 Điều 13: Có ý kiến đề nghị cần nhắc quy định về giới hạn phạm vi

áp dụng của việc xin phép sự “chấp thuận bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền” đối với trường hợp tổ chức, cá nhân Việt Nam nghiên cứu và phát triển, sản xuất, cung cấp và sở hữu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu bán, xuất khẩu, chuyển giao sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu cho đối tác nước ngoài (02 ý kiến).

6.2. Về tài sản số (Mục 3)

- Có ý kiến cho rằng cần thiết phải quy định về tài sản số trong dự thảo Luật này; có sự phân loại cụ thể tài sản số để có những phương án quản lý khác nhau (01 ý kiến).

- Một số ý kiến cho rằng tài sản số là vấn đề mới nên cần có sự đầu tư nghiên cứu, rà soát kỹ hơn (03 ý kiến). Trường hợp xác định cần dẫn chiếu đến luật khác thì phải có phương án giải thích lý do quy định riêng (01 ý kiến); ý kiến khác đề nghị đối với vấn đề mới, đang tiếp tục phát triển và có sự thay đổi như tài sản số, trí tuệ nhân tạo thì giao Chính phủ quy định chi tiết (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nếu dự án Luật quy định về tài sản số thì cần nghiên cứu sửa đổi quy định có liên quan tại Bộ luật Dân sự (02 ý kiến) và Luật Giao dịch điện tử (01 ý kiến).

- Khoản 1 Điều 14: Có ý kiến cho rằng còn băn khoăn về khái niệm “tài sản số” trong dự thảo Luật; khái niệm mới chỉ nêu được tính chất tài sản số là vô hình, chưa xác định được các đặc trưng của loại tài sản này (01 ý kiến). Đề nghị rà soát các khái niệm, có quy định rõ ràng để làm căn cứ xác định tiền điện tử, bản ghi âm, ghi hình, tên miền Internet, trò chơi tiện tử, email, mạng xã hội có phải là tài sản số hay không (02 ý kiến); bổ sung thêm khái niệm “tiền số”, về tài sản số như tài sản trí tuệ số NFT, tiền mã hóa và tài sản số liên quan đến dữ liệu lớn (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, tham khảo khái niệm của UNIDROIT (Viện Quốc tế về nhất thể hóa pháp luật tư), theo đó, “tài sản số có nghĩa là hồ sơ điện tử mà có khả năng chịu sự kiểm soát”, trong đó “hồ sơ điện tử có nghĩa là thông tin mà (i) được lưu trữ ở phương tiện điện tử, và (ii) có khả năng truy xuất”. Khái niệm này cần thể hiện đầy đủ 03 đặc điểm pháp lý của tài sản số, bao gồm: (i) một cái gì đó (vô hình hoặc hữu hình); (ii) có thể chịu sự quản lý và kiểm soát được sự tồn tại của chúng (nếu là vật vô hình) hoặc chiếm hữu/sở hữu được (nếu là vật hữu hình); và (iii) có giá trị trao đổi (01 ý kiến).

- Điều 15: Có ý kiến đề nghị xem xét, bỏ từ “tối thiểu” trong câu “tài sản số phải đáp ứng các tiêu chí tối thiểu sau” để thuận tiện cho việc áp dụng (01 ý kiến); bổ sung nội dung yêu cầu các giao dịch tài sản số phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, theo hướng các giao dịch tài sản số phải đảm bảo quyền tiếp cận thông tin minh bạch, dễ hiểu đối với người tiêu dùng, quy định rõ trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ tài sản số, cũng như cung cấp cơ chế giải quyết tranh chấp phù hợp (01 ý kiến).

- Điều 16: Có ý kiến cho rằng quản lý tài sản số bao gồm các quy định về quyền sở hữu, chuyển nhượng, sử dụng tài sản số, rồi quy định về thuế, tài chính, hợp tác quốc tế và chia sẻ thông tin quy định về bảo mật an toàn thông tin, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng rồi quản lý theo vòng đời, phòng chống, ngăn chặn quản lý rủi ro liên quan đến tài sản số và các nội dung quản lý khác. Đề nghị bổ sung quy định về nguyên tắc quản lý (như: minh bạch, khách

quan); quy định về quyền thừa kế tài sản số (01 ý kiến); cần làm rõ các giai đoạn của vòng đời tài sản số như: tạo lập, giao dịch, lưu trữ, hủy bỏ,.. và trách nhiệm pháp lý tại từng giai đoạn (01 ý kiến).

- Khoản 1 Điều 17: Có ý kiến đề nghị cần phân cấp trách nhiệm cụ thể giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, bộ, ngành để bảo đảm tính khả thi (01 ý kiến); bổ sung danh mục các cơ quan chịu trách nhiệm chính trong từng lĩnh vực² (01 ý kiến).

- Khoản 2 Điều 17: Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan. Chính phủ chỉ quy định chi tiết các nội dung như loại hình, tiêu chí, nguyên tắc quản lý tài sản số và các tổ chức cung ứng về dịch vụ tài sản số. Đề nghị bổ sung và quy định các bộ, ngành hướng dẫn chi tiết thực hiện từng lĩnh vực liên quan đến tài sản số, bổ sung cơ chế phối hợp trong quản lý tài sản số để thuận tiện cho công tác quản lý (02 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng việc đưa Mục 3 tài sản số vào Chương III phát triển ngành CNCNS là khiên cưỡng. Đề nghị nghiên cứu, rà soát và giải trình, làm rõ thêm (01 ý kiến).

6.3. Về dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số (Mục 6)

- Một số ý kiến đề nghị rà soát các quy định có liên quan tại dự thảo Luật Dữ liệu (05 ý kiến); nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh khái niệm để làm rõ nội hàm, dữ liệu số nào thuộc về dữ liệu số trong Luật Công nghiệp công nghệ số, dữ liệu số nào sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh trong Luật Dữ liệu để tránh chồng chéo, trùng lặp giữa các luật (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể về quyền sở hữu, quyền tài sản (quyền chiếm hữu, định đoạt) bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho chủ sở hữu dữ liệu trừ những dữ liệu đặc thù, phục vụ quốc phòng an ninh (01 ý kiến).

- Bổ sung và quy định rõ hơn: về hình thức sở hữu dữ liệu, chính sách trao đổi, mua bán dữ liệu, đặc biệt là chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước với các doanh nghiệp và quy trình khai thác, quản lý dữ liệu số (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định chặt chẽ hơn trách nhiệm của doanh nghiệp trong bảo mật dữ liệu cá nhân của người dùng, trách nhiệm xử lý và đền bù thiệt hại nếu có vi phạm trong lĩnh vực này, đồng thời yêu cầu các doanh nghiệp cần có biện pháp bảo vệ dữ liệu tối ưu (01 ý kiến)

- Khoản 1 Điều 19: Đề nghị rà soát quy định về hỗ trợ tài chính và cơ sở vật chất cho các dự án nghiên cứu và phát triển với các quy định có liên quan tại Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thống nhất, khả thi (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng quy định về phi cá nhân hóa dữ liệu quy định trong Điều 23 dự thảo Luật mới chỉ được định nghĩa, nêu khái niệm, được dẫn chiếu theo pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật khác mà chưa được

² Ví dụ như: Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm xây dựng khung pháp lý liên quan đến công nghệ số; Bộ Tài chính quản lý thuế, tài chính; Ngân hàng Nhà nước giám sát các hoạt động tài chính số.

đánh giá, xem xét các pháp luật này đã có quy định về đối tượng này chưa. Đề nghị bổ sung những nguyên tắc cơ bản cần áp dụng đối với việc phi cá nhân hóa dữ liệu phục vụ cho CNCNS (01 ý kiến).

6.4 Về nguồn nhân lực công nghệ số (Mục 7)

- Một số ý kiến cho rằng quy định về nguồn nhân lực công nghệ số còn mang tính khái quát, thiếu rõ ràng về định hướng ưu tiên và đối tượng cần tập trung ưu tiên (04 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị xây dựng các quy định cụ thể hơn, tập trung giải quyết vấn đề về nhân lực (nhân lực trình độ cao, rất cao); nghiên cứu bổ sung quy định về chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghệ số, chế độ ưu đãi đối với người hoạt động chuyên trách trong lĩnh vực công nghệ số tại Mục 7 Chương II của dự thảo Luật (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu ban hành các chính sách ưu đãi vượt trội nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thu hút nhân tài, như: giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư lớn vào đào tạo và phát triển nhân lực. Cần khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số xây dựng chính sách lương, thưởng cạnh tranh thông qua việc miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia và nhân lực có trình độ cao làm việc trong ngành. Đồng thời, nghiên cứu thêm các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nhân lực chất lượng cao từ các quốc gia có nền công nghệ phát triển, kết hợp với chính sách định cư ưu đãi cho các chuyên gia công nghệ nước ngoài (02 ý kiến).

- Một số ý kiến cho rằng cần có các quy định cụ thể trong đó tập trung cho các Viện, trường, đặc biệt là các trường thực hiện tự chủ, cơ sở giáo dục, đào tạo trong ngành công nghệ số trọng điểm; bổ sung chính sách khuyến khích cho các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, internet vạn vật, bán dẫn... (03 ý kiến).

- Một số ý kiến cho rằng cùng với chính sách ưu đãi thuế thu nhập cá nhân dành cho nhân lực công nghệ số chất lượng cao cần bổ sung thêm chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp công nghệ số. Đồng thời, cần nhắc mở rộng thêm các đối tượng hỗ trợ kèm theo như là có chính sách cho thân nhân của họ hoặc các ưu đãi về nhà ở, về sinh hoạt, về giáo dục, gia hạn trong xuất cảnh, nhập cảnh... Cần có tiêu chí, tiêu chuẩn cho chuyên gia, quy trình để xác nhận chuyên môn thông qua các hội nghề nghiệp hoặc các tổ chức, các chuyên ngành có uy tín. Các tiêu chí, tiêu chuẩn này cần phải được thiết kế một cách linh hoạt, phù hợp, tránh việc tạo thêm những rào cản không cần thiết (03 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng cần mở rộng chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghệ số, đưa đào tạo nhân lực công nghệ số vào giáo dục từ các bậc phổ thông để định hướng phát triển cho thế hệ trẻ, sớm tiếp cận với công nghệ, phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ số trẻ từ các trường phổ thông, đại học (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể rõ hơn về bảo đảm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cần hỗ trợ ưu đãi đào tạo, cần có chính sách ưu đãi hơn nữa với nhân lực là đồng bào dân tộc thiểu số. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia đào tạo, phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực

CNCNS nhằm tạo nguồn lực chất lượng cao cho địa phương và giúp doanh nghiệp tuyển dụng được nhân lực phù hợp, đáp ứng nhu cầu hoạt động của mình (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, trong đó chú trọng đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực công nghệ số là nữ giới (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cần được ưu tiên hàng đầu, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa – nhóm doanh nghiệp chiếm phần lớn trong ngành công nghiệp công nghệ số. Cần xác định mục tiêu hỗ trợ nhân lực không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp mà còn tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển dài hạn của ngành công nghệ số (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung vào khoản 2 Điều 25 các chính sách nhằm khuyến khích sáng tạo và khởi nghiệp trong CNCNS, như: thúc đẩy các quỹ đầu tư hỗ trợ tài chính, đào tạo và cung cấp không gian sáng tạo cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, tạo ra một môi trường thuận lợi để những ý tưởng công nghệ mới được triển khai và phát triển, đồng thời cũng tạo động lực quan trọng để phát triển nguồn nhân lực công nghệ số tại Việt Nam (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bỏ nội dung “ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân” tại khoản 2 Điều 27; nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung quy định “nhân tài công nghệ số” tại điểm a khoản 5 Điều 27 để đảm bảo tính thống nhất, toàn diện, minh bạch và dễ thực hiện hơn trong thực tiễn; quy định rõ hơn về năng lực, kinh nghiệm tại điểm e khoản 5 Điều 27 (01 ý kiến); đề nghị bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về nhóm ngành nghề, tiêu chuẩn được hỗ trợ (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “tăng cường” tại điểm b khoản 2 Điều 30; thay thế cụm từ “ưu tiên có cơ chế” bằng cụm từ “xây dựng và ban hành các cơ chế ưu tiên” tại điểm c khoản 2 Điều 30 và viết lại “xây dựng và ban hành các cơ chế ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam liên doanh với các nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất bán dẫn tại Việt Nam hợp tác nghiên cứu và phát triển thiết kế sản xuất và thương mại hóa sản phẩm bán dẫn” (01 ý kiến). Bổ sung một khoản quy định về cơ chế thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển CNCNS tại Việt Nam (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể các biện pháp thúc đẩy sự hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực, như: hỗ trợ tài chính cho các chương trình đào tạo, khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình học, trực tiếp tham gia hướng nghiệp, đào tạo, giảng dạy, hợp tác việc cho sinh viên đi kiến tập hoặc thực tập tại các doanh nghiệp (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị đối với đào tạo nhân lực công nghệ số: (1) Tăng cường đào tạo các ngành học mới như đào tạo các ngành công nghệ số, cần mở rộng các ngành học liên quan đến công nghệ, như: trí tuệ nhân tạo (AI), Blockchain, dữ liệu lớn, an ninh mạng... các chương trình đào tạo liên ngành kết hợp giữa công nghệ và các lĩnh vực khác, như: y tế, kinh tế, khoa học - xã hội,... để tạo ra các giải pháp sáng tạo và nâng cao tính ứng dụng của công nghệ số; (2) Đổi mới chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức và kỹ năng mới để bắt kịp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số,

như: AI, dữ liệu lớn, Blockchain và các công nghệ khác; (3) Đưa công nghệ vào giảng dạy, như sử dụng AR, VR...; (4) Khuyến khích nghiên cứu khoa học; (5) Đào tạo giảng viên có kỹ năng công nghệ (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định thí điểm việc hằng năm lựa chọn sinh viên giỏi với số lượng phù hợp để đưa đi đào tạo ở các nước tiên tiến về công nghệ số để về phục vụ đất nước trong những năm tiếp theo và trong tương lai (01 ý kiến).

6.5. Về chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số (Mục 9)

- Có ý kiến cho rằng quy định tại Điều 43 tương đồng với Điều 31 của dự thảo Luật. Do đó, có thể điều chỉnh nội dung của Điều này thành “kinh phí thực hiện chương trình từ nguồn tài chính cho phát triển CNCNS được quy định tại Điều 31 của luật này” (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị rà soát để lược bỏ những quy định không cần thiết thuộc trách nhiệm ban hành của Chính phủ (như: các quy định về Chương trình phát triển công nghệ số ở Điều 42 và Điều 43), vì đây là những nội dung thuộc về trách nhiệm công tác triển khai thi hành luật của Chính phủ (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể trong dự thảo Luật mối quan hệ của các chương trình phát triển CNCNS với hệ thống các chiến lược quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành có liên quan tại Mục 13 Chương II (01 ý kiến).

6.6. Về khu công nghệ số (Mục 10)

- Đề nghị rà soát quy định tại khoản 10 Điều 34 và quy định lại theo hướng các dự án đầu tư trong lĩnh vực CNCNS được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của Luật Đầu tư và các luật khác của pháp luật có liên quan (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cần có quy định đặc biệt, rút ngắn về trình tự, thủ tục bảo đảm được dùng cả ngân sách nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng cho khu công nghệ số và thu hút đầu tư của xã hội, đồng thời bổ sung khu công nghệ số, công nghệ thông tin tập trung vào danh mục được hưởng ưu đãi tương tự như khu công nghệ cao (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định mở rộng chính sách áp dụng ưu đãi đối với khu công nghệ số ở địa bàn miền núi còn khó khăn kinh tế và các địa phương có đông dân tộc thiểu số (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bỏ quy định tại khoản 10 Điều 34 vì quy định này không bảo đảm tính khả thi (01 ý kiến).

- Có ý kiến băn khoăn về sự cần thiết của việc xây dựng khu công nghệ số (01 ý kiến), đề nghị rà soát, xác định mối quan hệ giữa khu công nghệ số tại dự thảo Luật với khu công nghệ cao tại Luật Công nghệ cao và khu công nghệ thông tin tập trung tại Luật Công nghệ thông tin. Đồng thời đánh giá tính hiệu quả, tác động của các khu công nghệ này; dự kiến sửa đổi, điều chỉnh các quy định có liên quan tại Luật Đất đai, Luật Quy hoạch khi dự thảo Luật được thông qua (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng, Điều 32 dự thảo Luật chưa quy định rõ về điều kiện và tiêu chí thành lập khu công nghệ số tại các địa phương, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, tiêu chí, thẩm quyền thành lập. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về trách nhiệm và quyền hạn của các địa phương

trong quản lý và phát triển khu công nghệ số (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng, Điều 34 dự thảo Luật có đề cập đến 2 loại dự án đầu tư là dự án đầu tư về lĩnh vực công nghệ số và dự án đầu tư thuộc lĩnh vực CNCNS, với các quy định cụ thể về chính sách ưu đãi khác nhau. Do đó, đề nghị giải trình về sự khác nhau giữa 2 loại hình dự án đầu tư này và sự khác nhau về chính sách ưu đãi (01 ý kiến).

7. Về phát triển doanh nghiệp CNS (Chương III)

- Một số ý kiến cho rằng, ưu đãi là cần thiết đối với lĩnh vực này. Tuy nhiên, các chính sách trong dự thảo Luật còn chung chung, còn nhiều cụm từ “ưu tiên”, “ưu đãi”, chưa có trọng tâm, trọng điểm. Do đó, đề nghị cần có quy định các chính sách mạnh mẽ, cụ thể, mang tính vượt trội, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam như: Cần tập trung ưu tiên, ưu đãi đối với điện (đầy đủ điện, điện sạch), nước, hạ tầng, thuế, phí và tiền mặt; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm đầu cho các doanh nghiệp CNS mới thành lập, giảm 50% thuế trong 10 năm tiếp theo nếu đáp ứng tiêu chí đổi mới công nghệ, hoặc miễn thuế nhập khẩu cho các thiết bị công nghệ hiện đại (03 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc quy định “ưu tiên đầu tư thuê, mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước”, vì có thể sẽ vi phạm các cam kết quốc tế trong hiệp định thương mại tự do; nghiên cứu quy định các chính sách ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất đối với các doanh nghiệp có liên doanh với nước ngoài (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cần chủ động trình bổ sung các nội dung ưu đãi tương ứng với Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đang được trình Quốc hội tại Kỳ họp này (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng trong dự thảo Luật, CNCNS được ưu tiên, hỗ trợ nhiều chính sách. Tuy nhiên, tiêu chuẩn, tiêu chí để doanh nghiệp được hỗ trợ chưa rõ. Bên cạnh đó, Điều 46 tiêu đề là “Ưu đãi đối với sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số”, tuy nhiên nội hàm điều luật không có quy định nào liên quan đến việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp đang thực hiện sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số. Do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định rõ ràng hơn (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào quá trình phát triển công nghệ số, như: chính sách vay ưu đãi; hỗ trợ về thông tin, cắt giảm thủ tục hành chính, thủ tục cấp phép, quy trình đo lường, kiểm định, tiếp cận nguồn vốn giá rẻ thông qua việc xem xét hỗ trợ bảo lãnh hoặc được bảo lãnh từ các ngân hàng, thuế khi tham gia vào khởi nghiệp, sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số; hay hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại các tỉnh, vùng nông thôn (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu về hạ tầng công nghệ dùng chung cho quốc gia; xây dựng cơ chế quản lý hạ tầng công nghệ tránh độc quyền của các doanh nghiệp trong dữ liệu, vấn đề chuyển, chia sẻ, ứng dụng dữ liệu phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội nói chung cũng như là đảm bảo cho quốc phòng, an ninh (01 ý kiến); nghiên cứu, bổ sung nội dung cạnh tranh lành mạnh trong phát triển công

nghiệp số, tránh độc quyền (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu cơ chế sử dụng nguồn tài chính cho phát triển CNCNS (01 ý kiến); xây dựng biện pháp bảo đảm an toàn an ninh mạng, có các biện pháp phòng ngừa, tránh mất dữ liệu (01 ý kiến); các quy định về giải quyết tranh chấp (theo motif thương lượng, hòa giải, khởi kiện ra tòa án, tòa án thương mại...) (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung chính sách hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ số (như: ưu đãi tài chính, tiếp cận quỹ hỗ trợ hoặc cơ chế bảo lãnh tín dụng); bổ sung quy định xây dựng các chương trình hợp tác quốc tế đặc biệt trong việc chuyển giao công nghệ và tiếp cận thị trường toàn cầu (01 ý kiến).

8. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Chương IV)

8.1. Về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Điều 49)

- Có ý kiến đề nghị xem xét lại cụm từ “có kiểm soát”, vì nếu vẫn kiểm soát sẽ hạn chế không gian sáng tạo của doanh nghiệp. Trong các giới hạn của cơ chế thử nghiệm đề nghị xem xét cân nhắc vấn đề thời gian là quan trọng nhất, hơn các giới hạn về phạm vi và đối tượng (01 ý kiến); đề nghị thay vì quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nên xây dựng Luật Đầu tư mạo hiểm (01 ý kiến).

- Có ý kiến nhất trí với quy định tại dự thảo Luật (01 ý kiến); một số ý kiến đề nghị rà soát, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi của các quy định, tránh sự chồng chéo với Luật Dữ liệu (Luật Dữ liệu có nguyên tắc chung), pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dự thảo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,... (03 ý kiến).

8.2. Về tiêu chí, nguyên tắc xét duyệt, triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Điều 50, 51 và 52)

- Có ý kiến cho rằng, quy định về thời gian thử nghiệm cố định 2 năm và có cơ chế gia hạn cứng nhắc, đề nghị cần tạo cơ chế linh hoạt, giao cho Chính phủ quy định nội dung này; bổ sung quy định cho phép thay đổi các tính năng, chức năng chính nếu có báo cáo và cam kết từ doanh nghiệp về việc kiểm soát rủi ro thay vì “...chỉ được thực hiện với điều kiện không làm thay đổi tính năng, chức năng chính của sản phẩm dịch vụ” như trong dự thảo Luật (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc khi giao cho tất cả các tỉnh, thành phố đều có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định trường hợp doanh nghiệp thử nghiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý là doanh nghiệp có khả năng biết về nguy cơ rủi ro nhưng không thông báo đến cơ quan có thẩm quyền và không áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn đã nêu trong hồ sơ thử nghiệm để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị rà soát, xem xét, sửa đổi, bổ sung: (1) Quy trình về hồ sơ (khoản 4 Điều 53): báo cáo đánh giá tác động môi trường, viện dẫn chưa chính xác (khoản 4 Điều 52); (2) Quy định về Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có sự khác biệt với các Bộ ngành khác (giao cho Bộ); (3) Cân nhắc rút ngắn quy trình vì 90 ngày là tương đối dài; (4) Quy định trường hợp nào là “kiểm tra tại chỗ”, nếu

không quy định cụ thể sẽ dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định chỉ nên thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp số ở các địa phương có các cơ chế đặc thù hoặc có tỷ trọng kinh tế số trên tổng sản lượng trên địa bàn (GRDP) lớn, như: Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh (01 ý kiến).

8.3. Bảo vệ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ CNS thử nghiệm (Điều 56)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về quyền của người sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thử nghiệm (như: Tiền công được chi trả hoặc cam kết trách nhiệm bảo hiểm ưu đãi trong sử dụng công nghệ, sản phẩm công nghệ,...; mua bảo hiểm nhân thọ trước khi tiến hành quá trình thử nghiệm theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm; bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm) (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nên có những phương án, kịch bản để xử lý những tình huống rủi ro khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thử nghiệm (01 ý kiến).

8.4. Miễn trừ trách nhiệm trong hoạt động thử nghiệm (Điều 59)

- Có ý kiến đề nghị xem xét, cân nhắc sử dụng cụm từ “động cơ trong sáng”, “loại trừ trách nhiệm” và “xử lý trách nhiệm”; làm rõ quy định “pháp luật có liên quan” (02 ý kiến). Diễn đạt, chỉnh lý lại khoản 1 theo ngôn ngữ lập pháp gọn gàng, súc tích; xác định cơ sở pháp lý của quy định này³ tại khoản 2, khoản 3 và chỉnh lý lại cho chính xác (02 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị xác định rõ các trường hợp được miễn trừ hay không miễn trừ theo hướng liệt kê để việc thực hiện thống nhất, đồng bộ; đồng thời, rà soát quy định miễn trừ trách nhiệm cho thống nhất với khoản 1, Điều 23 Luật Khoa học và Công nghệ; Điều 25 và Điều 76 của Bộ Luật hình sự (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu viết gọn lại các quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; có thể cân nhắc cấu trúc lại thành một Điều và giao Chính phủ quy định chi tiết (tương tự Luật Thủ đô và đề nghị tham khảo Luật Các tổ chức tín dụng) (01 ý kiến).

9. Công nghiệp bán dẫn (Chương V)

- Một số ý kiến nhất trí cần quy định nội dung này trong Luật (04 ý kiến). Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu thêm các chính sách đặc thù vượt trội để khuyến khích, phát triển lĩnh vực này (05 ý kiến), cụ thể như:

(1) Bổ sung Quy định về chính sách ưu đãi đối với chuyên gia, nhà khoa học ngành công nghiệp bán dẫn, giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này.

³ Trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với cá nhân, doanh nghiệp gọi chung là pháp nhân thương mại chứ không phải là cơ quan tổ chức nói chung theo quy định tại Điều 32 của Bộ luật Hình sự. Quy định như dự thảo Luật là không chính xác. Việc dẫn chiếu Điều 25 của Bộ luật Hình sự cũng không chính xác. Điều 25 quy định về trường hợp không coi là hành vi gây thiệt hại trong việc thử nghiệm quy trình công nghệ mới, chứ không phải là miễn trừ trách nhiệm hình sự. Nhưng miễn trừ trách nhiệm hình sự thì không phải là miễn với trường hợp của Luật CNCNS vì miễn trừ trách nhiệm hình sự nghĩa là có tội thì được miễn, ở đây thì là không phải là tội phạm.

Như vậy, sẽ tạo sự an tâm cho các chuyên gia khi đến làm việc tại Việt Nam;

(2) Bổ sung quy định về bảo đảm cung cấp cơ sở hạ tầng nhất là điện sạch, nước sạch cho ngành công nghiệp bán dẫn. Giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này.

(3) Chính phủ cần quy hoạch khu công nghiệp bán dẫn để phát triển các khu công nghiệp chuyên biệt, tích hợp đầy đủ các cơ sở hạ tầng hiện đại (điện sạch, nước sạch, giao thông, viễn thông) theo tiêu chuẩn quốc tế. Chính phủ hoặc địa phương có thể hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút các doanh nghiệp... như xác định Việt Nam cần tập trung phát triển công đoạn nào trong lĩnh vực chip bán dẫn; bổ sung nguyên tắc thu hút đầu tư có điều kiện chuyển giao công nghệ và ràng buộc về sử dụng nguyên liệu vật tư, linh kiện trong nước sản xuất được.

- Có ý kiến đề nghị chuyển khoản 7 Điều 62 về Điều 60 cho phù hợp giữa nội dung điều khoản với tên điều; điều chỉnh nội dung khoản 7 thành “giao cho Chính phủ quy định chi tiết điều này” nhằm bảo đảm quy định được đầy đủ và các cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển ngành công nghiệp bán dẫn (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng, phát triển công nghiệp bán dẫn phải đồng bộ với công nghiệp điện tử. Do đó, đề nghị có quy hoạch về đào tạo ngành công nghiệp điện tử, trong đó thiên về bán dẫn (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị rà soát, cân nhắc sự trùng lặp về chính sách ưu đãi trong Luật này với ưu đãi trong Luật Công nghệ cao (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung các quy định để các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển giao công nghệ, các quy định về đáp ứng yêu cầu về hạ tầng; các quy định điều chỉnh cần được so sánh với quy định của các quốc gia đang cạnh tranh trực tiếp với nước ta trong thu hút đầu tư nước ngoài (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật đưa ra nhiều quy định tạo cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp hoạt động trong ngành bán dẫn và tiếp cận theo hướng doanh nghiệp bán dẫn và các doanh nghiệp trong chuỗi phụ trợ. Tuy nhiên, chuỗi giá trị ngành bán dẫn là toàn cầu, và Việt Nam có thể chỉ là một mắt xích trong chuỗi giá trị này. Vì vậy, đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định hỗ trợ theo hướng tạo thuận lợi để một doanh nghiệp/một nhà máy đặt tại Việt Nam có thể dễ dàng cung ứng cho các nhà sản xuất nước ngoài (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể mục tiêu phát triển sản phẩm bán dẫn chuyên dụng (như: ưu tiên chip AI, IOT hoặc chip ứng dụng trong quốc phòng, y tế); bổ sung nội dung khuyến khích phát triển các nhà cung cấp nội địa trong chuỗi giá trị bán dẫn để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu; bổ sung quy định cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu và phát triển; bổ sung quy định về tổ chức đánh giá định kỳ hiệu quả thực thi chính sách phát triển CNCNS (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu có các chính sách làm đòn bẩy, đảm bảo đủ nguồn nhân lực kỹ thuật cao và hệ sinh thái công nghiệp hoàn chỉnh với cơ sở hạ tầng công nghệ và dịch vụ phụ trợ đồng bộ, đảm bảo cho ngành công nghiệp bán

dẫn Việt Nam phát triển (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị chỉ quy định những nội dung mang tính nguyên tắc, còn lại giao Chính phủ quy định chi tiết để đảm bảo tính linh hoạt trong việc thích nghi với sự thay đổi rất nhanh của các lĩnh vực này trên thế giới và Việt Nam chưa có kinh nghiệm nhiều (01 ý kiến).

10. Về trí tuệ nhân tạo (Chương VI)

- Một số ý kiến nhất trí quy định nội dung về AI trong Luật (05 ý kiến); có ý kiến đề nghị nghiên cứu kỹ thêm để đưa vào Luật những quy định phù hợp. Đối với các vấn đề còn nhiều thay đổi như: Tài sản số, AI... đề nghị quy định nguyên tắc và giao Chính phủ, địa phương quy định chi tiết (01 ý kiến); các quy định trong dự thảo Luật cần phải bảo đảm nguyên tắc vừa khuyến khích, tạo điều kiện để phát triển trí tuệ nhân tạo nhưng cũng vừa phải có những quy định để bảo đảm việc phát triển và ứng dụng AI đúng định hướng (01 ý kiến).

- Một số ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung quy định khung đạo đức AI, làm rõ quy định về đạo đức AI (Nội dung liên quan đến tới con người, sức khỏe, tính mạng hay tinh thần là cấm, còn lại thì để Chính phủ hay các bộ, ngành sẽ có quy định riêng, như: Quảng cáo hay đưa ra quyết định mà ảnh hưởng đến con người); cách ứng xử với AI; trách nhiệm của người lập trình AI (03 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị tiếp tục nghiên cứu để quy định rõ hơn, nghiên cứu khung về nội dung AI và tạo tiền đề cho việc phát triển một đạo luật riêng về AI của Việt Nam (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “dân tộc” vào khoản 1 Điều 64 cho thống nhất quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết 29 và thể hiện như sau: “...phục vụ thịnh vượng và hạnh phúc của con người, tôn trọng giá trị dân tộc, đạo đức, quyền và lợi ích của con người và bảo vệ quyền riêng tư” (01 ý kiến); có ý kiến cho rằng cần bổ sung thêm một số quy định để tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình theo đúng nguyên tắc đã đặt ra tại Điều 64 dự thảo Luật. Theo đó, cần nghiên cứu, bổ sung quy định nhà phát triển và cung cấp hệ thống AI phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, giải thích cơ chế hoạt động của các thuật toán của hệ thống AI, đặc biệt là đối với những hệ thống có rủi ro cao. Đồng thời, cần quy định trách nhiệm của Chính phủ trong việc xây dựng một bộ chỉ số minh bạch để đánh giá mức độ rõ ràng của hệ thống (01 ý kiến).

- Một số ý kiến cho rằng, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 chưa định nghĩa rõ về những rủi ro, tổn hại sức khỏe, sự an toàn, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; chưa đưa ra giới hạn cụ thể về phạm vi tác động, số lượng người dùng, lượng tính toán tích lũy để huấn luyện. Do đó, đề nghị xác định rõ các tiêu chí hệ thống AI có rủi ro cao, phạm vi tác động, ảnh hưởng lớn; bổ sung quy định về kiểm chế, hạn chế rủi ro để Việt Nam không trở thành nơi thử nghiệm của những sản phẩm AI nguy cơ rủi ro cao; tham khảo quy định quốc tế mang tính tiêu chuẩn (04 ý kiến); có ý kiến cho rằng mục đích của việc phân loại hệ thống AI tại Điều 65 dự thảo Luật chưa rõ, vì vậy đề nghị bổ sung nguyên tắc quản lý rủi ro theo mức độ phân tầng này (có thể nghiên cứu để quy định đối với hệ thống rủi ro thấp thì chỉ cần yêu cầu nhà phát triển và cung cấp dịch vụ tự công bố tuân thủ các quy định về xây dựng và phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo mà không áp

dụng cơ chế tiền kiểm, để tạo không gian cho sự phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo. Đối với hệ thống rủi ro cao, trước khi được triển khai, cần phải qua hệ thống kiểm tra độc lập và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, bổ sung quy định về việc thiết lập cơ chế giảm nhẹ trách nhiệm pháp lý cho nhà phát triển và cung cấp nếu họ đã tuân thủ đầy đủ các quy định nhưng vẫn phát sinh sự cố ngoài ý muốn (*01 ý kiến*); cần quy định cụ thể các tiêu chí để xác định hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao, giới hạn cụ thể về khả năng tác động cũng như phạm vi tác động, số lượng người dùng và lượng tính toán tích lũy để được xem là có rủi ro cao, nhằm cụ thể hóa trong quá trình thực hiện, đảm bảo tính minh bạch, thống nhất và khi triển khai sẽ có tính thực thi (*01 ý kiến*); giải thích thêm về khái niệm là sản phẩm AI (như chat GPT) hay sản phẩm ứng dụng AI (như xe tự lái), hệ thống AI (như: hệ thống AI được sử dụng trong y tế, phân tích tài chính); bổ sung quy định giao Chính phủ hướng dẫn về vấn đề quản lý rủi ro (*01 ý kiến*).

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ hơn các sản phẩm công nghệ số tạo ra bởi AI tại Điều 66 (nếu không cụ thể thì sẽ gặp khó khăn, không có cơ sở để xác định sản phẩm nào do AI tạo ra cần dán nhãn, do số lượng sản phẩm rất lớn, tốc độ phát triển nhanh,...) và giao Bộ Thông tin và Truyền thông dán nhãn (*01 ý kiến*).

- Một số ý kiến cho rằng, trách nhiệm của các bên liên quan đến cung cấp AI quy định như tại Điều 67 gây khó khăn cho các nhà phát triển hệ thống AI, tăng nặng trách nhiệm giám sát, phát sinh thêm nguồn nhân lực, điều này có thể không khả thi trên thực tế, gây cản trở cho hoạt động kinh doanh. Khoản 2 Điều 67 quy định cung cấp đầy đủ thông tin về hệ thống AI cho người dùng, tuy nhiên hệ thống AI cần rất nhiều nguồn thông tin. Vì vậy, đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp (*03 ý kiến*).

- Có ý kiến đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 1 Điều 67 theo hướng loại bỏ các trách nhiệm liên quan đến dữ liệu cá nhân để tránh tình trạng trùng lặp, mâu thuẫn với các quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về dữ liệu cá nhân (*01 ý kiến*).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cấm AI sử dụng dữ liệu cá nhân mà không có sự đồng ý của người dùng, theo các luật bảo vệ quyền riêng tư; quy định AI không được làm tổn hại nhân phẩm, giá trị và quyền lợi của con người; quy định cấm sử dụng AI để tạo ra nội dung lừa đảo, tin giả, hoặc các hoạt động phạm pháp... (*01 ý kiến*).

- Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung một số khía cạnh sau: (*i*) Cần đặc biệt lưu tâm đến quyền và lợi ích của các nhóm đặc thù, nhóm yếu thế trong tiếp cận không gian số (như người già, người khuyết tật...) nhằm đảm bảo quyền được từ chối sử dụng AI cho những nhóm người này; (*ii*) địa vị pháp lý của AI, trách nhiệm pháp lý của chủ AI; (*iii*) cân nhắc ban hành Quy tắc đạo đức AI (từ kinh nghiệm của Trung Quốc; EU) và Quy định kiểm soát thuật toán (kinh nghiệm của Trung Quốc); (4) Theo Báo cáo về những rủi ro toàn cầu công bố năm 2024 của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), có 5 nhóm rủi ro hàng đầu trong 10 năm tới. Trong đó, vấn đề Môi trường (đứng đầu là khí hậu cực đoan) và Công nghệ (gồm thông tin xấu độc, AI không kiểm soát...) là có nhiều nguy cơ rủi ro nhất đối với nhân loại (*01 ý kiến*).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định mức độ ưu tiên ứng dụng AI trong các cơ quan nhà nước từ các giải pháp do doanh nghiệp trong nước làm chủ (nhằm khuyến khích sử dụng và tạo thị trường). Vì đây là một bước quan trọng để thúc đẩy cả quá trình chuyển đổi số và sự phát triển bền vững của ngành AI nội địa (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định miễn trách nhiệm đối nhà phát triển hệ thống AI bằng mã nguồn mở (01 ý kiến); quy định các nội dung nhằm tăng cường trách nhiệm và kiểm soát của nhà cung cấp dịch vụ AI trong công bố đối tượng người dùng, phân tích dữ liệu, tiêu chí thân thiện môi trường của AI; nghiên cứu thành lập một cơ quan chung để quản lý, giám sát AI để tránh chồng chéo trách nhiệm quản lý nhà nước (01 ý kiến); đề nghị chỉnh lý lại các quy định về AI theo ngôn ngữ, văn phong pháp lý (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị quy định cho AI một không gian để có mối quan hệ với các lực lượng sản xuất khác như thế nào, liệu AI có gây khai sinh hay không; mở rộng không gian để AI có một không gian hoạt động hữu hiệu hơn (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng hiện nay Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Thông tin và Truyền thông đang phối hợp để xây dựng 17 tiêu chuẩn giải quyết các vấn đề này của AI. Do đó, đề nghị gộp các tiêu chuẩn quốc gia này thay vì 17 tiêu chuẩn để quy định các tiêu chuẩn theo chuỗi, theo lĩnh vực và theo nhóm vấn đề, việc này sẽ giúp cho các đối tượng chịu sự tác động dễ thực hiện, tiết giảm chi phí cũng như thời gian xây dựng tiêu chuẩn (01 ý kiến)

11. Về quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số (Chương VII)

Có ý kiến cho rằng, quy định trách nhiệm quản lý nhà nước tại Điều 69 còn chung chung, chưa cụ thể. Đề nghị đưa nội dung quản lý nhà nước về CNCNS tại Điều 70 lên trên Điều 69; quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND các tỉnh; làm rõ căn cứ quy định về Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tại khoản 3 Điều 69; khoản 6 Điều 70 quy định cụ thể hoặc giao Chính phủ quy định trường hợp nào tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép... (02 ý kiến).

12. Về điều khoản thi hành (Chương VIII)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về lộ trình chuyển tiếp (01 ý kiến); đề nghị rà soát lại việc sửa đổi các điều của Luật Công nghệ thông tin (01 ý kiến).

- Điều 72: Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định “tự động” chuyển khu công nghệ thông tin tập trung thành khu công nghệ số mà không cần phải thực hiện các trình tự, thủ tục công nhận lại khu CNCNS và được kế thừa các chính sách như đối với khu công nghệ số; nghiên cứu để không thành lập khu công nghệ số đại trà do trên thực tế hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung hiệu quả chưa cao (01 ý kiến).

13. Một số nội dung khác

- Có ý kiến đề nghị những nội dung chưa ổn định, chưa rõ, đang trong quá trình phát triển thì chưa nên quy định chi tiết, chỉ quy định mang tính nguyên tắc và giao Chính phủ quy định chi tiết. Đồng thời cân nhắc việc viện dẫn điều khoản cụ thể của Luật khác để tránh lạc hậu, vì Luật hiện nay thay đổi liên tục (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng chưa có sự thống nhất giữa Luật CNCNS và Luật Dữ

liệu về khái niệm phi cá nhân hóa dữ liệu (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng, cấu trúc của dự thảo Luật một số mục chưa hợp lý, có mục chỉ có 2 điều; còn nhiều điều, khoản giao Chính phủ quy định chi tiết. Do đó, đề nghị nghiên cứu gom cho gọn lại; điều khoản nào cụ thể được thì quy định cụ thể để dễ áp dụng thực hiện (01 ý kiến).


- Điều 6: Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định chặt chẽ hơn, trong đó cần nêu cao trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc bảo mật dữ liệu cá nhân, dữ liệu khách hàng, thông tin tài chính, các bản thiết kế,... ; bổ sung nội dung phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý nhằm đảm bảo an ninh công nghệ số (01 ý kiến).

- Về nội dung bảo vệ sở hữu trí tuệ: có ý kiến đề nghị cần tách riêng và làm rõ sự khác nhau giữa bảo vệ sở hữu trí tuệ của các sản phẩm này với các sản phẩm thực trong dự thảo Luật; nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ do CNCNS sáng tạo ra, vì hiện nay việc bị trộm mất quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ rất dễ dàng (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị xem xét, chỉnh lý “quy trình công nghệ trong công nghiệp công nghệ số” thành “quy trình công nghệ trong công nghiệp công nghệ số” tại khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật (01 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu bổ sung các quy định cụ thể về xử lý thu hồi các sản phẩm bị đào thải trong CNCNS và buộc các doanh nghiệp sản xuất công nghệ số phải chấp hành nghiêm các quy định về môi trường, sử dụng năng lượng xanh, sạch, đảm bảo an toàn, an ninh năng lượng, an ninh về nguồn nước, tài nguyên thiên nhiên, góp phần phát triển bền vững CNCNS (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bỏ Điều 63, Điều 68 vì không phù hợp theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁴ (01 ý kiến).

Trên đây là Báo cáo tổng hợp ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật Công nghiệp công nghệ số, Tổng Thư ký Quốc hội trân trọng báo cáo. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban Thư ký;
 - TTUB KH, CN&MT;
 - Bộ TTTT;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND các tỉnh, thành phố;
 - Lưu: HC, KHCNMT.
- Epas:

TỔNG THƯ KÝ



Lê Quang Tùng

⁴ Khoản 1 Điều 11 quy định: “Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết. Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết”